

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /2026/TB-NTW

Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

- Mã chứng khoán: NTW
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0251 3560574 Fax: 0251 3560031
- Email: capnuocnhontrach.ntw@gmail.com Website: <http://www.ntw.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kiểm toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày/02/2026 tại đường dẫn <https://ntw.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025
- Văn bản giải trình số 11/2026/NTW ngày 03/02/2026

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Văn Thùy

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2026/NTW
V/v giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 so với năm 2024.

Đồng Nai, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
2. Mã chứng khoán niêm yết: NTW

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch giải trình tình hình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 tăng hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 như sau:

STT	Nội dung	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	% Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC	18.441.536.422	10.487.306.380	7.954.230.042	75,85 %

Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng:

1. Doanh thu và thu nhập khác năm 2025 đạt 202.503.390.609 đồng, tăng 31.450.450.930 đồng so với doanh thu và thu nhập khác cùng kỳ năm 2024 (đạt 171.052.939.679 đồng), tương ứng mức tăng là 18,39%.

Biến động các khoản doanh thu như sau:

	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Doanh thu bán hàng (cung cấp nước)	190.433.350.910	163.860.221.500	26.573.129.410	16,22%
Doanh thu cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	4.341.736.246	3.186.994.860	1.154.741.386	36,23%
Doanh thu tài chính	3.249.655.903	2.507.436.653	742.219.250	29,60%
Thu nhập khác	4.478.647.550	1.498.286.666	2.980.360.884	198,92%
TỔNG CỘNG	202.503.390.609	171.052.939.679	31.450.450.930	18,39%

3. Tổng chi phí năm 2025 của Công ty đạt 181.190.653.492 đồng, so với cùng kỳ năm 2024 là 158.904.129.389 đồng tăng 22.286.524.103 đồng, tương ứng mức tăng là 14,03%.

Biến động các khoản chi phí như sau:

	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch	% tăng/ (giảm)
Giá vốn bán hàng (cung cấp nước)	159.919.155.477	140.137.000.078	19.782.155.399	14,12%
Giá vốn cung cấp dịch vụ (lắp đặt)	2.738.366.270	1.575.174.464	1.163.191.806	73,85%
Chi phí bán hàng	5.286.552.150	4.693.299.958	593.252.192	12,64%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.674.398.936	11.181.858.060	492.540.876	4,40%
Chi phí khác	1.572.180.659	1.316.796.829	225.383.830	19,39%
TỔNG CỘNG	181.190.653.492	158.904.129.389	22.286.524.103	14,03%

3. Tổng hợp các yếu tố trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 tăng 7.954.230.042 đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương ứng mức tăng 75,85%.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.TCKT



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thùy

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

9-29



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Dương Đại	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên
Ông Khương Thang Hảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Trưởng ban
Bà Tô Thị Thanh Hà	Thành viên
Bà Đặng Thị Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Thùy	Giám đốc
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Thủy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Số: 21/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Lê Hoàng Mỹ Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6326-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.514.022.489	93.739.666.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.681.412.202	10.512.766.553
1. Tiền	111	4.1	7.681.412.202	10.512.766.553
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.000.000.000	66.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	83.000.000.000	66.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.197.099.954	10.703.196.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.104.315.786	10.465.832.675
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	330.950.522	362.345.022
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		321.547.959	413.408.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(559.714.313)	(538.389.762)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	5.361.021.810	5.263.096.561
1. Hàng tồn kho	141		5.612.939.218	5.517.895.469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(251.917.408)	(254.798.908)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		274.488.523	760.606.796
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		274.488.523	622.110.706
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	138.496.090
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.687.412.102	100.179.575.240
I. Tài sản cố định	220		95.226.143.889	99.399.370.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	94.642.746.044	98.894.406.952
Nguyên giá	222		287.352.506.425	280.460.117.971
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.709.760.381)	(181.565.711.019)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	583.397.845	504.963.180
Nguyên giá	228		1.182.156.000	1.062.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(598.758.155)	(557.192.820)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		954.998.441	308.234.301
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	954.998.441	308.234.301
III. Tài sản dài hạn khác	260		506.269.772	471.970.807
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		506.269.772	471.970.807
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		200.201.434.591	193.919.241.893

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.853.802.030	27.588.293.989
I. Nợ ngắn hạn	310		31.853.802.030	27.588.293.989
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	18.623.275.605	17.022.416.950
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		442.422.439	941.583.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.455.911.428	1.207.618.291
4. Phải trả người lao động	314	4.12	7.015.096.074	4.700.013.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		240.164.914	104.912.945
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		141.699.335	231.820.457
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13.6	3.935.232.235	3.379.928.692
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.347.632.561	166.330.947.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	168.347.632.561	166.330.947.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.13.6	32.884.221.096	30.786.759.820
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.420.273.054	29.501.049.673
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.978.736.632	19.013.743.293
LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.441.536.422	10.487.306.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		200.201.434.591	193.919.241.893



Trần Văn Thùy

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Vũ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Võ Thị Thanh Tuyền

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	194.775.087.156	167.047.216.360
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.775.087.156	167.047.216.360
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	162.657.521.747	141.712.174.542
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.117.565.409	25.335.041.818
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.249.655.903	2.507.436.653
6. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.286.552.150	4.693.299.958
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	11.674.398.936	11.181.858.060
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.406.270.226	11.967.320.453
9. Thu nhập khác	31	5.6	4.478.647.550	1.498.286.666
10. Chi phí khác	32	5.7	1.572.180.659	1.316.796.829
11. Lợi nhuận khác	40		2.906.466.891	181.489.837
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.312.737.117	12.148.810.290
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.871.200.695	1.661.503.910
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.441.536.422	10.487.306.380
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	1.595	906
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	1.595	906

**Trần Văn Thùy**
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026


Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng
Võ Thị Thanh Tuyền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.312.737.117	12.148.810.290
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	11.185.614.697	11.231.234.148
Các khoản dự phòng	03		18.443.051	(34.537.817)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.249.655.903)	(2.588.957.932)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.267.138.962	20.756.548.689
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.577.595.513	2.653.139.108
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95.043.749)	15.359.468
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.218.228.218	7.292.181.829
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(34.298.965)	239.090.023
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(2.150.000.000)	(2.389.395.275)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(869.548.222)	(851.326.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.914.071.757	27.715.597.842
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.659.152.594)	(4.508.674.834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	81.521.279
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(52.500.000.000)	(105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.000.000.000	93.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.504.454.811	3.101.295.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.654.697.783)	(12.825.858.277)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(15.090.728.325)	(10.064.050.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.090.728.325)	(10.064.050.550)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(2.831.354.351)	4.825.689.015
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.512.766.553	5.687.077.538
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	7.681.412.202	10.512.766.553

Trần Văn Thủy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởngVõ Thị Thanh Tuyền
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch được thành lập theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600977120, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi gần nhất ngày 11 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 09 tháng 04 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NTW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	52.437.360.000	52,44	52.437.360.000	52,44
Ông Hồ Văn Hoàng	Việt Nam	14.989.050.000	14,99	14.989.050.000	14,99
Các cổ đông khác		32.573.590.000	32,57	32.573.590.000	32,57
Cộng		100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 64 (01 tháng 01 năm 2025 là 68).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Công ty) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (49 năm).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

3.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 0%; 5%;
- Dịch vụ lắp đặt, dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.16. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	67.107.374	13.895.548
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.614.304.828	10.498.871.005
Cộng	7.681.412.202	10.512.766.553

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng, được chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất (%/năm)</u>	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam	6 – 12 tháng	5,7% - 7,2%	37.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	6 tháng	5,3%	28.500.000.000	23.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6 – 9 tháng	5,0% - 5,2%	11.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	6 tháng	5,4%	6.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			-	5.000.000.000
Cộng			83.000.000.000	66.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	289.800	352.509.781
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	2.569.892.976	1.974.780.555
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	1.062.467.175	928.929.750
Phải thu khách hàng khác (*)	3.471.665.835	7.209.612.589
Cộng	7.104.315.786	10.465.832.675

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn	177.111.000	177.111.000
Các nhà cung cấp khác (*)	153.839.522	185.234.022
Cộng	330.950.522	362.345.022

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	746.768.558	187.054.245	834.632.903	296.243.141

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	538.389.762	827.726.487
Trích lập trong năm	41.507.581	35.185.885
Hoàn nhập trong năm	(20.183.030)	(324.522.610)
Số cuối năm	559.714.313	538.389.762

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn	177.111.000	-	Trên 03 năm	177.111.000	-	Trên 03 năm
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đại Phước	154.482.600	-	Trên 03 năm	157.982.600	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	415.174.958	187.054.245	Từ trên 06 tháng đến trên 03 năm	499.539.303	296.243.141	Từ trên 06 tháng đến trên 03 năm
Cộng	746.768.558	187.054.245		834.632.903	296.243.141	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.127.811.848	(251.917.408)	3.024.794.430	(254.798.908)
Công cụ, dụng cụ	67.342.798	-	49.178.526	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.417.784.572	-	2.443.922.513	-
Cộng	5.612.939.218	(251.917.408)	5.517.895.469	(254.798.908)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	254.798.908	-
Trích lập trong năm	-	254.798.908
Hoàn nhập trong năm	(2.881.500)	-
Số cuối năm	251.917.408	254.798.908

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng các công trình tuyến ống cấp nước dở dang tại ngày 31/12/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	46.346.901.220	36.231.307.263	196.396.843.969	1.485.065.519	280.460.117.971
Mua trong năm	-	206.544.104	-	259.620.000	466.164.104
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	6.426.224.350	-	6.426.224.350
Tại ngày 31/12/2025	46.346.901.220	36.437.851.367	202.823.068.319	1.744.685.519	287.352.506.425
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	31.074.734.020	32.127.198.592	116.898.710.612	1.465.067.795	181.565.711.019
Khấu hao trong năm	1.138.665.532	908.338.675	9.043.653.703	53.391.452	11.144.049.362
Tại ngày 31/12/2025	32.213.399.552	33.035.537.267	125.942.364.315	1.518.459.247	192.709.760.381
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	15.272.167.200	4.104.108.671	79.498.133.357	19.997.724	98.894.406.952
Tại ngày 31/12/2025	14.133.501.668	3.402.314.100	76.880.704.004	226.226.272	94.642.746.044

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 122.242.444.546 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Mua trong năm	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2025	617.156.000	565.000.000	1.182.156.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	112.192.820	445.000.000	557.192.820
Khấu hao trong năm	12.343.116	29.222.219	41.565.335
Tại ngày 31/12/2025	124.535.936	474.222.219	598.758.155
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	504.963.180	-	504.963.180
Tại ngày 31/12/2025	492.620.064	90.777.781	583.397.845

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 445.000.000 VND.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	4.578.034.125	4.578.034.125	4.456.689.825	4.456.689.825
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	7.877.564.231	7.877.564.231	8.465.060.116	8.465.060.116
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Tín Nghĩa	4.615.017.769	4.615.017.769	3.316.482.227	3.316.482.227
Các nhà cung cấp khác	1.552.659.480	1.552.659.480	784.184.782	784.184.782
Cộng	18.623.275.605	18.623.275.605	17.022.416.950	17.022.416.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	582.704.605	2.871.200.695	2.150.000.000	138.496.090	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.127.550	539.497.156	538.269.606	-	18.900.000
Thuế tài nguyên	-	73.081.700	1.005.868.771	1.006.417.710	-	73.630.639
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	757.958.829	-	336.007.359	-	1.093.966.188
Thuế bảo vệ môi trường	-	22.038.744	92.045.720	91.128.440	-	21.121.464
Cộng	-	1.455.911.428	4.508.612.342	4.121.823.115	138.496.090	1.207.618.291

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2025.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000.000	6.043.138.411	28.984.317.741	31.990.450.620	167.017.906.772
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.487.306.380	10.487.306.380
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.802.442.079	(1.802.442.079)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.174.265.248)	(1.174.265.248)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	100.000.000.000	6.043.138.411	30.786.759.820	29.501.049.673	166.330.947.904
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.441.536.422	18.441.536.422
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.097.461.276	(2.097.461.276)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.424.851.765)	(1.424.851.765)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	100.000.000.000	6.043.138.411	32.884.221.096	29.420.273.054	168.347.632.561

(*) Việc chia cổ tức được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 18 tháng 04 năm 2025. Trong đó, cổ tức chia cho bên liên quan là 7.865.604.000 VND – Xem thêm Mục 7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.441.536.422	10.487.306.380
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.212.984.371)	(1.258.476.765)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(275.890.786)	(165.375.000)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.952.661.265	9.063.454.615
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.595	906

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 12% và Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý theo tỷ lệ 1,49% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-NTW, ngày 18 tháng 4 năm 2025.

4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.441.536.422	10.487.306.380
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.212.984.371)	(1.258.476.765)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(275.890.786)	(165.375.000)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.952.661.265	9.063.454.615
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.595	906

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 12% và Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý theo tỷ lệ 1,49% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-NTW, ngày 18 tháng 4 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13.5. Cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	135.563.480	199.614.030
Cổ tức phải trả	15.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(15.090.728.325)	(10.064.050.550)
Số dư cuối năm	44.835.155	135.563.480

4.13.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	3.379.928.692	30.786.759.820
Trích trong năm	1.424.851.765	2.097.461.276
Chi trong năm	(869.548.222)	-
Tại ngày 31/12/2025	3.935.232.235	32.884.221.096

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	190.433.350.910	163.860.221.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	4.341.736.246	3.186.994.860
Cộng	194.775.087.156	167.047.216.360
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	109.146.500	85.978.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	159.919.155.477	140.137.000.078
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	2.738.366.270	1.575.174.464
Cộng	162.657.521.747	141.712.174.542

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.229.003.831	2.491.725.008
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.652.072	15.711.645
Cộng	3.249.655.903	2.507.436.653

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lương nhân viên	3.121.245.646	3.055.727.763
Chi phí vật liệu, bao bì	1.581.680.909	1.173.153.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.156.160	303.200.251
Chi phí bằng tiền khác	129.469.435	161.218.905
Cộng	5.286.552.150	4.693.299.958

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lương nhân viên	8.168.224.123	7.410.517.048
Chi phí đồ dùng văn phòng	737.488.041	563.575.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.021.980.271	972.571.370
Trích/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	21.324.551	(289.336.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.733.292	1.832.450.992
Chi phí bằng tiền khác	742.648.658	692.079.930
Cộng	11.674.398.936	11.181.858.060

5.6. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền phạt thu được (*)	2.701.920.238	-
Thu nhập từ cho thuê lại tuyến ống	1.517.814.610	1.307.132.310
Thu nhập khác	258.912.702	191.154.356
Cộng	4.478.647.550	1.498.286.666

(*) Đây là khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng của Công ty TNHH Vạn Phúc theo Quyết định số 121/QĐ-CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch ngày 18 tháng 06 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí sử dụng tuyến ống	1.517.814.610	1.307.132.310
Chi phí khác	54.366.049	9.664.519
Cộng	1.572.180.659	1.316.796.829

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí mua nước	136.807.005.725	118.016.049.775
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.161.269.197	4.474.723.495
Chi phí nhân công	18.037.902.775	16.991.272.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.185.614.697	11.231.234.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.370.870.402	4.397.012.263
Chi phí khác	3.029.672.096	2.518.130.230
Cộng	179.592.334.892	157.628.422.554

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	21.312.737.117	12.148.810.290
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	614.116.049	554.894.889
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	21.926.853.166	12.703.705.179
Trong đó:		
- Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông 20%	6.785.153.786	3.911.333.918
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	15.141.699.380	8.792.371.261
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.871.200.695	1.661.503.910
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	2.871.200.695	1.661.503.910

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm phần lớn doanh thu và được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận một cách riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|---|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Công ty mẹ sau cùng |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | Công ty con gián tiếp của công ty mẹ sau cùng |
| 4. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 | Công ty con của công ty mẹ sau cùng |
| 5. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	351.809.431
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	289.800	700.350
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	289.800	352.509.781

Phải thu tiền đặt cọc:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	900.000	900.000
-----------------------------------	---------	---------

Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.10:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(4.578.034.125)	(4.456.689.825)
-----------------------------------	-----------------	-----------------

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	104.351.000	81.627.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	4.795.500	4.351.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	109.146.500	85.978.000

Mua nước và dịch vụ:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	57.017.194.277	48.575.520.000
-----------------------------------	----------------	----------------

Trả cổ tức – Xem thêm Mục 4.13.1:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.865.604.000	5.243.736.000
-----------------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Ngô Dương Đại	Chủ tịch Hội đồng quản trị	96.000.000	35.800.000	131.800.000	96.000.000	12.000.000	108.000.000
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên Hội đồng quản trị/ Giám đốc	72.000.000	611.027.008	683.027.008	36.000.000	451.772.727	487.772.727
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	-	441.279.183	441.279.183	-	337.500.000	337.500.000
Ông Khương Thanh Hào	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	17.800.000	89.800.000	72.000.000	10.000.000	82.000.000
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	17.800.000	89.800.000	72.000.000	10.000.000	82.000.000
Ông Nguyễn Anh Tân	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	17.800.000	89.800.000	72.000.000	10.000.000	82.000.000
Bà Vũ Thị Oanh	Kế toán trưởng	-	436.270.851	436.270.851	-	305.909.090	305.909.090
Ông Trần Hoàng Anh Phương	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	20.000.000	80.000.000	60.000.000	10.000.000	70.000.000
Bà Tô Thị Thanh Hà	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	12.000.000	60.000.000	48.000.000	5.000.000	53.000.000
Bà Đặng Thị Tú	Thành viên Ban kiểm soát	48.000.000	12.000.000	60.000.000	48.000.000	5.000.000	53.000.000
Cộng		540.000.000	1.621.777.042	2.161.777.042	504.000.000	1.157.181.817	1.661.181.817

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2024 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2024 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	906	908
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	906	908

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty xác định lại Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-NTW ngày 18/04/2025 nên đã làm thay đổi lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024. Do đó, lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 trình bày để so sánh đã được điều chỉnh lại tương ứng.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trần Văn Thùy
Giám đốc

Vũ Thị Oanh
Kế toán trưởng

Võ Thị Thanh Tuyền
Người lập

Đồng Nai, ngày 03 tháng 02 năm 2026

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING



RSM Vietnam

Ho Chi Minh City Head Office
3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147 Bis Hai Ba Trung Street
Xuan Hoa Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Ha Noi Office
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building
No. 302 Cau Giay Street
Cau Giay Ward
Ha Noi City, Vietnam
T +8424 3795 5353
contact_hn@rsm.com.vn

Da Nang Office
3rd Floor, Miki Building
No. 77-79 Ho Trung Luong Street
Hoa Xuan Ward
Da Nang City, Vietnam
T +84236 3939 539
contact_dn@rsm.com.vn

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction. The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug. This email is only intended for the person(s) to whom it is addressed and may contain confidential information. Unless stated to the contrary, any opinions or comments are personal to the writer and do not represent the official view of the company. If you have received this email in error, please notify the company immediately by reply email and then delete this message irretrievably from your system. Please do not copy this email or use it for any purposes or disclose its contents to any other person. Any person communicating with the company by email will be deemed to have accepted the risks associated with sending information by email being interception, amendment and loss as well as the consequences of incomplete or late delivery.